

Bản án số: 131/2017/HNGĐ-ST

Ngày 07-8-2017

V/v “*tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Trường.

2. Bà Phạm Thị Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi.

Ngày 07 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 226/2017/TLST - HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2017 về “*tranh chấp ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 215/2017/QĐXXST – HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Lý Thái T**, sinh năm 1983 (có mặt).

Địa chỉ: ấp HA, xã NH, huyện DD, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Chị **Ngô Hằng N**, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp VĐ, xã NH, huyện DD, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện ngày 15/6/2017 và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn anh Lý Thái T trình bày:**

- Về hôn nhân: Qua thời gian tìm hiểu nên anh và chị Ngô Hằng N tự nguyện kết hôn năm 2009 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã NH. Trong thời gian chung sống do sức khỏe của chị N không tốt và thêm kinh tế gia đình gặp khó khăn nên sinh ra đôi lúc tính tình anh nóng nảy. Trong gia đình lúc nào cũng thiếu hụt, tiền thì không có dư để giao cho chị N quản lý, nên anh có quản lý tiền bạc để chi tiêu trong gia đình và lo làm ăn. Do anh bận việc làm ăn và

đôi lúc có đi chơi nên không quan tâm, lo lắng cho vợ con dẫn đến việc chị N buồn phiền và vợ chồng ly thân 04 tháng nay. Nay anh xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên anh yêu cầu được ly hôn với chị Ngô Hằng N.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có một con chung tên Lý Kỳ K, sinh ngày 11/02/2011 hiện do anh nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, anh yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu chị N cấp dưỡng.

- Về tài sản: Anh xác định tự thỏa thuận phân chia và không yêu cầu Tòa án xem xét.

- Về nợ chung anh xác định không có.

*** Quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Ngô Hằng N trình bày:**

- Về hôn nhân: Về thời gian kết hôn, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn và thời gian ly thân như anh Lý Thái T trình bày là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn do chị và anh T tính tình không hợp nhau nên vợ chồng xảy ra nhiều bất đồng. Trong gia đình anh T tính tình nóng nảy và nắm quyền về kinh tế nên thời gian chung sống chị bị áp lực nặng nề về tâm lý, dẫn đến sức khỏe của chị ngày càng không tốt. Nay chị nhận thấy không thể tiếp tục chung sống với anh T được nên chị đồng ý thuận tình ly hôn với anh T.

- Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh T có 01 con chung như anh T trình bày là đúng. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung: Chị thống nhất tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chị xác định không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Xét việc vắng mặt của bị đơn chị Ngô Hằng N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị N là có căn cứ.

[2] Về hôn nhân: Anh Lý Thái T và chị Ngô Hằng N kết hôn ngày 30 tháng 12 năm 2009, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã NH, huyện DD nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được tôn trọng và pháp luật bảo vệ. Trong quá trình chung sống anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn nên ly thân với nhau hơn 04 tháng nay. Sự việc mâu thuẫn của anh chị được hai bên gia đình khuyên can, hàn gắn nhưng anh chị không đoàn tụ chung sống lại được. Nay anh T và chị N thống nhất thuận tình ly hôn với nhau.

Mặc dù anh chị nhận thấy tình trạng hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên thuận tình ly hôn. Tuy nhiên, anh chị không thỏa thuận được vấn đề nuôi con nên Tòa án không công nhận cho anh chị thuận tình ly hôn, mà cho anh chị được ly hôn là đúng quy định tại Điều 55, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Quá trình chung sống anh chị có 01 con chung tên Lý Kỳ K, sinh ngày 11/02/2011 hiện do anh T nuôi dưỡng từ khi anh, chị ly thân cho đến nay cháu vẫn phát triển bình thường. Sau khi ly hôn anh chị cùng có yêu cầu được nuôi con. Thấy rằng, anh chị đều có quyền và nghĩa vụ ngang nhau trong việc trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung. Qua quá trình giải quyết vụ án và tranh tụng tại phiên tòa thể hiện: Hiện nay chị N đang làm việc tại huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang thu nhập khoảng 6.000.000 đồng/tháng, chị N yêu cầu được nuôi con vì cho rằng quá trình chung sống anh T không quan tâm, lo lắng cho con và nếu chị được nuôi con thì gửi cho ông bà ngoại nuôi, chị đi làm gửi tiền về nuôi con. Điều này cho thấy hoàn cảnh kinh tế và điều kiện nuôi con của chị N đang gặp khó khăn, nếu giao con cho chị N nuôi thì chị không thể trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con.

Đối với anh T chứng minh được anh có tài sản và thu nhập ổn định, đảm bảo điều kiện nuôi con hơn chị N và được chị N thừa nhận. Hơn nữa, con chung do anh T nuôi dưỡng từ khi anh chị ly thân đến nay vẫn đảm bảo cho cháu phát triển bình thường. Do đó, Tòa án cần giao cháu K cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng là đảm bảo cuộc sống của con được ổn định, đảm bảo cho sự phát triển về thể chất, học hành và các điều kiện cho sự phát triển tốt về tinh thần của con là có căn cứ.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con anh T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết là phù hợp.

[3] Về tài sản: Xét thấy, anh T và chị N xác định không đặt ra phân chia nên Tòa án không xem xét, giải quyết là phù hợp.

[4] Về nợ chung: Tại phiên tòa anh T xác định có thể chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay Ngân hàng nông nghiệp huyện Đầm Dơi 100.000.000 đồng và có nợ người khác 60.000.000 đồng nhưng anh không đặt ra yêu cầu Tòa án xem xét, anh tự nguyện thỏa thuận và trả nợ. Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án anh T và chị N xác định không có nợ người khác nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Nay tại phiên tòa anh T xác định có nợ Ngân hàng và người khác nên Tòa án không xem xét, giải quyết là có căn cứ và cần tách phần nợ ra giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác nếu các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau.

[5] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm anh T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 56; khoản 1, 2 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Lý Thái T. Cho anh Lý Thái T được ly hôn với chị Ngô Hằng N.

2. Về con chung: Giao cháu Lý Kỳ K, sinh ngày 11/02/2011 cho anh Lý Thái T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Ngô Hằng N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con anh T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản: Anh T và chị N tự thỏa thuận phân chia nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân gia đình anh Lý Thái T phải nộp 300.000 đồng, anh T dự nộp 300.000 đồng tại biên lai số 0008915 ngày 19/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi nay được chuyển thu.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

T/M: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Trần Quốc Kiên